

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-PT

Ngày 21-8-2020

V/v chia tài sản chung, nợ chung
sau khi ly hôn, thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái;

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2020/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Địch Thị N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Ngọc L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng chính sách xã hội V, Chi nhánh huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Đường 19/8, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp: Bà Triệu Thị Hồng H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn H. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Chị Ninh Thị H. Địa chỉ: Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

4. Bà Trần Thị T. Địa chỉ: Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

5. Bà Địch Thị L. Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Vũ Ngọc L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn được tóm tắt như sau:

Chị Địch Thị N và anh Vũ Ngọc L trước đây là vợ chồng nhưng đã giải quyết việc ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 91/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 05/6/2019. Theo quyết định sau khi ly hôn anh L là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc K, sinh ngày 30/6/2017. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm chị Địch Thị N và anh Vũ Ngọc L đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, nợ chung và chi phí tố tụng, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung gồm 02 thửa đất và tài sản gắn liền với đất:

+ Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 55, diện tích 194m², đất được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 573593 ngày 18/10/2013 tên Địch Thị N và Vũ Ngọc L, trên đất có 01 nhà bếp, nhà vệ sinh.

+ Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 55, diện tích 102m², đất được Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 573592 ngày 18/10/2013 tên Địch Thị N và Vũ Ngọc L, trên đất có 01 nhà cấp 4.

Theo chị Địch Thị N, tổng giá trị tài sản chung gồm đất và tài sản trên đất là 400.000.000đ

Theo anh Vũ Ngọc L, tổng giá trị tài sản chung gồm đất và tài sản trên đất là 500.000.000đ

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Giá trị 02 thửa đất tranh chấp là 99.500.000đ (chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), tài sản trên đất có giá trị 222.492.000đ (hai trăm hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng). Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 321.992.000đ (ba trăm hai mươi một triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh huyện H; chị Ninh Thị H; bà Trần Thị T; anh Nguyễn Văn H, bà Địch Thị L đều trình bày: Việc chị Địch Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến.

Tại Bản án số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 29-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1, 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 213, Điều 218, Điều 219, Điều 220 của Bộ luật Dân sự; Điểm b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Địch Thị N về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Chị Địch Thị N được quyền quản lý, sử dụng những tài sản sau: Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 55, diện tích 102m², đất được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 573592 ngày 18/10/2013 tên Địch Thị N và Vũ Ngọc L, trên đất có 01 nhà ở, tường xây cay xi măng, mái lợp tôn xếp, nền lát gạch ceramic, trần tôn, xây năm 2016, loại nhà cấp 4, có diện tích 84,39m².

Đất có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông Bắc giáp thửa 179 hộ ông Trần Văn B; Phía Tây Nam giáp thửa 211 hộ ông Địch Văn T; Phía Tây Bắc giáp đường liên xã; Phía Đông Nam giáp thửa 180.

- Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 55, diện tích 194m², đất được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 573593 ngày 18/10/2013 tên Địch Thị N và Vũ Ngọc L, trên đất có 01 nhà bếp xây cay năm 2016, mái lợp prôximăng, nền láng xi măng có diện tích 27,4m²; 01 nhà vệ sinh và nhà tắm xây cay, mái lợp proximang, nền lát gạch ceramic, xây năm 2016, có diện tích 6,3m². Đất có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông Bắc giáp thửa 177, 181 nhà ông Trần Văn B, có cạnh dài 23,02m; Phía Tây Nam giáp thửa 211 của hộ ông Địch Văn T có cạnh dài 24,48m; Phía Đông Nam giáp đường dân sinh có cạnh dài 1,46m; Phía Tây Bắc giáp đất ông Trần Văn B, thửa 179 và giáp đất hộ chị Địch Thị N, anh Vũ Ngọc L thửa 178. *(có sơ họa kèm theo)*

Chị Địch Thị N có trách nhiệm trả cho anh Vũ Ngọc L số tiền chênh lệch là 160.996.000đ (một trăm sáu mươi triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng). *Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng chị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án.*

2. Về yêu cầu thay đổi người nuôi con: Đình chỉ giải quyết.

3. Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật quy định ngày 08/6/2020 bị đơn anh Vũ Ngọc L kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST, ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng về trị giá tài sản chung của vợ chồng là 321.992.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 10/3/2020) anh không

nhất trí, đề nghị xác định tài sản chung của vợ chồng là 500.000.000đ, đây là giá anh tự đưa ra, ngoài ra không có căn cứ khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo bị đơn anh Vũ Ngọc L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh L kháng cáo trong hạn luật định, do vậy kháng cáo hợp lệ. Anh L kháng cáo không đồng ý với kết quả định giá tài sản chung của vợ chồng là 321.992.000đ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết tài sản chung với giá 500.000.000đ. Tại buổi xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 10/3/2020, anh Vũ Ngọc L và chị Địch Thị N đều có mặt nhưng không đưa ra giá để xem xét, nên Hội đồng xem xét thẩm định đã tham khảo giá thị trường chuyển nhượng tại thời điểm giải quyết vụ án để áp giá tài sản. Việc định giá tài sản đã được thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm anh Vũ Ngọc L cũng không cung cấp thêm được tài liệu chứng minh giá trị tài sản có trị giá là 500.000.000đ. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự bác nội dung kháng cáo của anh Vũ Ngọc L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Ngọc L không đồng ý với kết quả định giá tài sản chung của vợ chồng là 321.992.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 10/3/2020), đề nghị xác định tài sản chung của vợ chồng là 500.000.000đ.

[3] Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị N và anh L có tài sản chung sau khi ly hôn là 02 thửa đất, cụ thể: Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 55, diện tích 102m², tọa tại Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, đất được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 573592 ngày 18/10/2013 tên Địch Thị N và Vũ Ngọc L, là đất ở nông thôn, trên đất có 01 nhà ở, có diện tích 84,39m², tường xây cay xi măng, mái lợp tôn xếp, nền lát gạch ceramic, trần tôn, xây năm 2016, loại nhà cấp 4; Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 55, diện tích 194m², tọa tại Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đất được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 573593 ngày 18/10/2013 tên Địch Thị N và Vũ Ngọc L, là đất trồng cây lâu năm, trên đất có 01 nhà bếp, có diện tích 27,4m², xây cay năm 2016, mái lợp prôximăng, nền láng xi măng; 01 nhà vệ sinh và nhà tắm xây cay, có diện tích 6,3m², mái lợp prôximăng, nền lát gạch ceramic, xây năm 2016.

[4] Sau khi ly hôn, chị Địch Thị N là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung, anh Vũ Ngọc L đã chuyển đi chỗ khác sinh sống và hay đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về qua nhà. Mặt khác xét về nguồn gốc tài sản của 02 thửa đất trên thì trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chị Địch Thị N có mua lại đất của bố mẹ chị Địch Thị N và khi mua thì bố mẹ chị N vừa bán, vừa cho hai vợ chồng chị. Nay vợ chồng chị đã ly hôn nên chị Địch Thị N muốn được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên.

[5] Việc chị Địch Thị N đề nghị chia đôi số tài sản chung để thuận tiện cho việc sử dụng. Chị yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản và thanh toán cho anh L $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo kết quả của Hội đồng định giá, đã định giá được là 321.992.000đ (ba trăm hai mươi một triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Chị sẽ có trách nhiệm thanh toán cho anh L 160.996.000đ (một trăm sáu mươi triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Yêu cầu chia đôi tài sản chung sau khi ly hôn của chị là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] Anh Vũ Ngọc L cũng nhất trí chia đôi tài sản chung, tuy nhiên, anh yêu cầu chị N phải thanh toán cho anh giá trị chênh lệch của tài sản, tổng tài sản theo anh tính là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), chị N sẽ phải thanh toán cho anh $\frac{1}{2}$ giá trị là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) hoặc anh lấy toàn bộ nhà đất và sẽ thanh toán cho chị N số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

[7] Thấy rằng, tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Lạng Sơn diện tích đất ở 02 thửa đất 178, 180 không đảm bảo để tách thửa. Vì vậy, cần xem xét cho một người được quản lý, sử dụng toàn bộ đất và tài sản trên đất, để cho một người được thanh toán giá trị tài sản chênh lệch bằng tiền, do không thống nhất được giá trị tài sản nên ngày 10/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng đã thành lập hội đồng xem xét thẩm định và định giá tài sản khi đó anh Vũ Ngọc L đều có mặt và ký vào biên bản.

[8] Tổng giá trị tài sản đã được Hội đồng định giá tài sản định giá là: 321.992.000đ (ba trăm hai mươi một triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Anh Lương không chấp nhận giá trị trên, anh cho rằng đất và các tài sản trên đất có giá là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Tuy nhiên, ngoài ý kiến như vậy, anh L không đưa được bất kỳ căn cứ nào để chứng minh cho ý kiến của mình. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu tính giá trị tài sản tranh chấp như anh L đưa ra.

[9] Về yêu cầu thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn và nợ chung do nguyên đơn chị Địch Thị N rút yêu cầu khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Ngọc L không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

[11] Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[12] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào: Khoản 1, 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 213, Điều 218, Điều 219, Điều 220 của Bộ luật Dân sự; Điểm b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Ngọc L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Về yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Định Thị N về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn. Chị N được quyền quản lý, sử dụng những tài sản sau:

- Thửa đất số 178, tờ bản đồ số 55, diện tích 102m², đất được Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 573592 ngày 18/10/2013 tên Định Thị N và Vũ Ngọc L, trên đất có 01 nhà ở, tường xây cay xi măng, mái lợp tôn xếp, nền lát gạch ceramic, trần tôn, xây năm 2016, loại nhà cấp 4, có diện tích 84,39m².

Đất có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông Bắc giáp thửa 179 hộ ông Trần Văn B; Phía Tây Nam giáp thửa 211 hộ ông Định Văn T; Phía Tây Bắc giáp đường liên xã; Phía Đông Nam giáp thửa 180.

- Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 55, diện tích 194m², đất được Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 573593 ngày 18/10/2013 tên Định Thị N và Vũ Ngọc L, trên đất có 01 nhà bếp xây cay năm 2016, mái lợp prôximăng, nền láng xi măng có diện tích 27,4m²; 01 nhà vệ sinh và nhà tắm xây cay, mái lợp proximang, nền lát gạch ceramic, xây năm 2016, có diện tích 6,3m². Đất có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông Bắc giáp thửa 177, 181 nhà ông Trần Văn B, có cạnh dài 23,02m; Phía Tây Nam giáp thửa 211 của hộ ông Định Văn T có cạnh dài 24,48m; Phía Đông Nam giáp đường dân sinh có cạnh dài 1,46m; Phía Tây Bắc giáp đất ông Trần Văn B, thửa 179 và giáp đất hộ chị Định Thị N, anh Vũ Ngọc L thửa 178. (có sơ họa kèm theo)

Chị Định Thị N có trách nhiệm trả cho anh Vũ Ngọc L số tiền chênh lệch là 160.996.000đ (một trăm sáu mươi triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng chị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về yêu cầu thay đổi người nuôi con: Đình chỉ giải quyết.

3. Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Dịch Thị N phải chịu 8.049.000đ (Tám triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị N đã nộp số tiền 9.700.000đ (chín triệu bảy trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/ 0000190, ngày 27 tháng 12 năm 2019 và số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: AA/2016/0000189 ngày 26 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trả lại cho chị N số tiền 1.950.000đ (một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Vũ Ngọc L phải chịu số tiền án phí là 8.049.000đ (tám triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng) và số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước. Anh Vũ Ngọc L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001921, ngày 17/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Anh Vũ Ngọc L phải nộp số tiền là 8.049.000đ (tám triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

5. Các phần quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP; Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS h. H, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái

